

Số: 48 /GPMT-STNMT-KSONMT

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND ngày 04/02/2024 của UBND Thành phố về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3596/QĐ-UBND ngày 10/7/2024 của UBND Thành phố về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội giải quyết và quyết định một số thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên nước, Môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của UBND Thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4417/QĐ-UBND ngày 23/8/2024 của UBND Thành phố về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội;

Căn cứ Thông báo số 831/TB-STNMT-VP ngày 16/8/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phân công nhiệm vụ ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC lĩnh vực Môi trường, Tài nguyên nước, Khoáng sản; Thông báo số 864/TB-STNMT-VP ngày 23/8/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc giải quyết và quyết định TTHC lĩnh vực Môi trường, Tài nguyên nước, Khoáng sản;

Xét Văn bản số 42/2024/CV-TGP ngày 12/12/2024 của Công ty TNHH Toyota Giải Phóng về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo;

Xét nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở: "Công trình Showroom ô tô Toyota Giải Phóng – Chi nhánh Pháp Vân" tại Tổ 10 Pháp Vân, phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 03/2025CV-TGP ngày 17/02/2025 của Công ty TNHH Toyota Giải Phóng.

Theo đề nghị của Phòng Kiểm soát ô nhiễm môi trường tại Báo cáo số 98/BC-KSONMT ngày 17 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Toyota Giải Phóng, có địa chỉ trụ sở chính tại: Số 807 đường Giải Phóng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Công trình Showroom ô tô Toyota Giải Phóng – Chi nhánh Pháp Vân” (sau đây gọi tắt là Cơ sở) tại Tổ 10 Pháp Vân, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: “Công trình Showroom Toyota Giải Phóng – Chi nhánh Pháp Vân”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tổ 10 Pháp Vân, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên mã số doanh nghiệp 0100773902, đăng ký lần đầu ngày 09/12/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 07/02/2023 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp cho Công ty TNHH Toyota Giải Phóng.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số chi nhánh 0100773902-001, đăng ký lần đầu ngày 28/4/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 07/10/2020 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp cho Công ty TNHH Toyota Giải Phóng – Chi nhánh Pháp Vân.

1.5. Mã số thuế: 0100773902.

1.7. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh, sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành và bảo trì xe ô tô.

1.8. Phạm vi, quy mô của Cơ sở:

* Quy mô, ranh giới sử dụng đất:

Cơ sở thực hiện có địa chỉ tại Tổ 10 Pháp Vân, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Vị trí ranh giới khu đất thực hiện Cơ sở: Phía Bắc tiếp giáp Công an quận Hoàng Mai; phía Nam tiếp giáp đường Đỗ Mười; phía Đông tiếp giáp khuôn viên cây xanh; phía Tây tiếp giáp với đường Bùi Huy Bích.

* Quy mô đầu tư:

- Cơ sở có diện tích đất khoảng 4.970 m².

- Quy mô: Nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định về đầu tư công).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Toyota Giải Phóng (sau đây gọi là Chủ cơ sở):

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Toyota Giải Phóng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội chủ trì, UBND quận Hoàng Mai phối hợp tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố (để b/cáo);
- Giám đốc Sở (để b/c);
- PGĐ Sở Nguyễn Minh Tấn;
- Công Thông tin điện tử Sở TN&MT Hà Nội;
- UBND quận Hoàng Mai;
- Công ty TNHH Toyota Giải Phóng;
- Lưu: VT, KSONMT.

MHS: H26.14-241212-0012.KSONMT

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Minh Tấn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 48 /GPMT-STNMT-KSONMT ngày 20 tháng 2 năm 2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sản xuất phát sinh từ khu vực rửa xe.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, nhân viên, khách hàng.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải:

- 01 dòng thải: Nước thải sau xử lý từ thiết bị lọc hấp phụ sẽ chảy sang qua hố ga trước khi chảy ra hệ thống thoát nước chung của khu vực tại ngõ 2 đường Bùi Huy Bích, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của khu vực tại ngõ 2 đường Bùi Huy Bích, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

2.3. Vị trí xả nước thải: Showroom Toyota, Tổ 10 Pháp Vân, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội - Theo hệ tọa độ VN2000, đo bằng thiết bị GPS cầm tay, KTT 105⁰, MC 6⁰:

Tọa độ vị trí xả nước thải: X= 2319512; Y= 587815.

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 25 m³/ngày đêm.

2.4.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý đi qua hố ga sau đó tự chảy ra hệ thống thoát nước chung của khu vực tại ngõ 2 đường Bùi Huy Bích, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

2.4.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục, 24 giờ/ngày đêm.

2.4.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận:

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCTĐHN 02:2014/BTNMT, Cột B, K_q=0,6, K_f=1,2, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng (đầu vào đầu ra)	-	-		
2	pH	-	5,5-9		
3	Nhiệt độ	°C	40		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	100		

5	Amoni (tính theo N)	mg/L	10	Tần suất quan trắc 3 tháng/lần(*)	Không áp dụng
6	COD	mg/L	150		
7	Màu	Pt/Co	150		
8	BOD ₅	mg/L	50		
9	Sắt	mg/L	5		
10	Tổng xianua	mg/L	0,1		
11	Tổng phenol	mg/L	0,5		
12	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	10		
13	Sunfua	mg/L	0,5		
14	Florua	mg/L	10		
15	Tổng Nito	mg/L	40		
16	Tổng photsphe	mg/L	6		
17	Clorua	mg/L	1000		
18	Clo dư	mg/L	2		
19	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	5.000		

(*): Theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; được sửa đổi bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom thoát nước mưa

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế, xây dựng hoàn chỉnh và riêng biệt với hệ thống thoát nước thải.

- Nước mưa sẽ được thu gom bằng đường ống PVC D110 vào các hố ga thoát nước mưa sau đó sẽ chảy về hệ thống thoát nước chung của thành phố theo hình thức tự chảy.

- Đã xây dựng hoàn thiện hệ thống thoát nước mưa bao quanh cơ sở với chiều dài hệ thống thoát nước mưa công tròn PVC D110 dài 572 m.

1.2. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước thải sau xử lý tách riêng với hệ thống thu gom nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt được xử lý qua bể tự hoại xây dựng bên trong nhà xưởng, sau đó nước thải sẽ được thu gom bằng các tuyến cống PVC kích thước D90-D110 chạy dọc trên vỉa hè tự chảy về hệ thống xử lý nước thải công suất 25m³/ngày đêm, đặt tại khu đất dành cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

- Nước thải phát sinh từ các hoạt động sản xuất của các cơ sở được thu gom bằng các tuyến cống PVC kích thước D90-D110 về hệ thống xử lý nước thải công suất 25m³/ngày đêm để xử lý.

- Toàn bộ nước thải sau xử lý tự chảy theo đường ống BTCT D500 dài 20m xả ra hệ thống thoát nước chung của khu vực tại ngõ 2 đường Bùi Huy Bích, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

1.3. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải: Nước thải đầu vào → Song chắn rác → Bể tách dầu 3 ngăn → Bể gom, lắng cát và tách rác → Bể điều hoà → Bể điều chỉnh pH, keo tụ → Bể lắng ngang → Bể vi sinh → Bể lắng bậc 2 → Hệ thống lọc cao áp → Bể khử trùng và quan trắc → Nguồn tiếp nhận nước thải.

- Công suất thiết kế: 25 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAC (bể điều chỉnh pH – keo tụ); NaOH (bể điều chỉnh pH – keo tụ); A-Polymer (bể lắng hóa lý); Clo khô (bể khử trùng); Than hoạt tính (thiết bị lọc hấp phụ); Cát thạch anh (hệ thống lọc áp lực).

1.4. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

1.5. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Có biện pháp ứng phó sự cố đối với nước thải trong các trường hợp: Tắc nghẽn, rò rỉ, nứt vỡ đường ống dẫn nước thải; hệ thống xử lý nước thải không thể vận hành; chất lượng nước thải đầu ra không đạt quy chuẩn.

- Thường xuyên theo dõi tình trạng hoạt động của các máy móc, thiết bị để có biện pháp sửa chữa thay thế kịp thời, tránh xảy ra sự cố.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành công trình xử lý nước thải và ghi chép sổ nhật ký vận hành theo quy định.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng để ứng phó, khắc phục sự cố.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ máy móc trong hệ thống xử lý nước thải theo hướng dẫn của nhà cung cấp.

- Quản lý, giám sát các thông số môi trường đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi xả thải ra môi trường.

- Khi có sự cố bất kỳ xảy ra tại một bể, một thiết bị nào đó thì nhân viên vận hành sẽ khóa van cấp nước vào bể gặp sự cố để kịp thời sửa chữa; các bể, thiết bị còn lại vẫn hoạt động tối đa công suất trên cơ sở phải đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra đạt yêu cầu.

- Trường hợp nước thải sau xử lý không đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, tiến hành đóng van thoát nước thải từ bể khử trùng ra hố ga nước thải cuối cùng và mở van dẫn nước thải từ Bể khử trùng về Bể điều hòa (lưu giữ tối thiểu 1 ngày), không xả thải ra môi trường tiếp nhận; rà soát điều chỉnh lại quy trình vận hành, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Căn cứ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP đã được chỉnh sửa bổ sung tại điểm h mục 1 khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày

06/01/2025 của Chính phủ thì Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.2. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các thông số tại mục 2.4 phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.3. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin vận hành chính thức các công trình xử lý nước thải.

3.5. Công ty TNHH Toyota Giải Phóng chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra ngoài môi trường.



Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
 (Kèm theo Giấy phép môi trường số 48 /GPMT-STNMT-KSONMT ngày 20 tháng 02 năm 2025
 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**1. Nguồn phát sinh khí thải**

- Nguồn số 01: Khu vực buồng sơn số 41
- Nguồn số 02: Khu vực buồng sơn số 42

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**2.1. Dòng khí thải:**

- Dòng khí thải số 01: Khí thải sau xử lý tại ống phóng không của tháp xử lý mùi buồng sơn;

2.2. Vị trí xả khí thải:

- Dòng thải số 01: Tại ống phóng không của tháp xử lý mùi hệ thống xử lý khí thải;
- Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2319483.48 ; Y = 587802.57;

(Theo hệ tọa độ VN2000, đo bằng thiết bị GPS cầm tay, KTT 105⁰, MC 6⁰)

2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 22.000 m³/h.**2.4. Phương thức xả khí thải**

- Khí thải sau xử lý của dòng thải số 01 được xả ra môi trường qua ống phóng, xả liên tục 24/24 giờ.

2.5. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường:

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn QCTĐHN 01:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội với $K_p = 0,9$ (Lưu lượng nguồn thải nguồn thải 20.000 m³/giờ < P < 100.000 m³/giờ), $K_v = 0,5$ (áp dụng đối với khu vực quận Hoàng Mai đối với các thông số: Bụi tổng, SO₂) và $K_v = 0,6$ (áp dụng đối với khu vực quận Hoàng Mai đối với các thông số: CO, NO_x) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
			QCTĐHN 01:2014/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT		
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200		Không thực hiện (*)	Không thực hiện (*)
2	SO ₂	mg/Nm ³	500			
3	NO _x	mg/Nm ³	850			

4	CO	mg/Nm ³	1000		
5	Benzen	mg/Nm ³		5	
6	Toluen	mg/Nm ³		750	
7	Xylen	mg/Nm ³		870	

Ghi chú:

(*): Theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải từ buồng sơn:

1.1.1. Mạng lưới thu gom:

+ Dòng khí thải số 01: Khí thải phát sinh từ buồng sơn được đi qua tấm lọc bụi cấu tạo bằng bông thủy tinh sau đó được quạt hút và được dẫn vào hệ thống lọc khí thải bằng than hoạt tính. Trong hệ thống xử lý khí thải bằng than hoạt tính, than được xếp thành lớp để tăng bề mặt tiếp xúc với khí. Khí thải được than hấp phụ dễ dàng và tạo ra không khí sạch. Khí sạch sau khi được hấp phụ được đi ra ở đỉnh tháp.

1.1.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải :

+ Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải nguồn số 01: Khí thải → Tấm lọc bụi (tấm lọc bông thủy tinh) → Quạt hút → Tháp xử lý mùi (hấp phụ bằng than hoạt tính) → Khí sạch sau xử lý.

+ Công suất thiết kế của quạt hút lớn nhất: 22.000m³/giờ.

+ Thiết kế tháp hấp phụ mùi: Vật liệu inox 304

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Kiểm tra thiết bị và bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên.

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải, định kỳ bổ sung than hoạt tính nhằm đảm bảo hiệu suất xử lý.

- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống như: Luôn trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như quạt hút.

- Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng hệ thống, thay thế các thiết bị đã hết hạn sử dụng để hệ thống luôn được vận hành đảm bảo hiệu suất.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Căn cứ quy định tại điểm 1 khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ thì Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.2. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các thông số tại mục 2.5 phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.3. Công ty TNHH Toyota Giải Phóng chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra ngoài môi trường.

Phụ lục 3**ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 48 /GPMT-STNMT-KSONMT ngày 20 tháng 09 năm 2025
của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tiếng ồn phát sinh từ khu vực sửa chữa, bảo dưỡng.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn phát sinh từ khu vực phòng đặt máy bơm của hệ thống xử lý nước thải công suất 25 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn phát sinh từ khu vực đặt máy phát điện.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

2.1. Nguồn tiếng ồn, độ rung số 01: Tọa độ X = 2319451.28; Y = 587785.06;

2.2. Nguồn tiếng ồn, độ rung số 02: Tọa độ X = 2319513.43; Y = 587813.85.

2.3. Nguồn tiếng ồn, độ rung số 03: Tọa độ X = 2319493.52; Y = 587816.04

(Theo hệ tọa độ VN2000, đo bằng thiết bị GPS cầm tay, KTT 105⁰, MC 6⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	70	55	Không thuộc đối tượng phải thực hiện	Khu vực thông thường
2	55	45	Không thuộc đối tượng phải thực hiện	Khu vực đặc biệt

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	Không thuộc đối tượng phải thực hiện	Khu vực thông thường
2	60	55	Không thuộc đối tượng phải thực hiện	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu mỡ, vệ sinh bụi bám trên cánh quạt...) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.
- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với các thiết bị có phát sinh độ rung phải được kê các đệm chân đế máy, bố trí thiết bị giảm chấn để hạn chế độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại mục 3 Phần A Phụ lục này.

- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung. Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **48** /GPMT-STNMT-KSONMT ngày **20** tháng **02** năm 2025
của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng dự kiến (kg/năm)
1	Dầu thải	15 01 07	41.400
2	Nước làm mát máy	15 01 08	10
3	Dung môi	17 08 03	1.210
4	Bóng đèn neon cháy hỏng	16 01 06	27
5	Bộ lọc đầu đã qua sử dụng	15 01 02	1.275
6	Giẻ lau, găng tay dính dầu, than hoạt tính, bông thủy tinh	18 02 01	230
7	Cặn son thải	08 01 01	312
8	Bột matit thải	08 03 01	380
9	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 05	3.545
10	Bao bì mềm thải (nilon dính son)	18 01 01	1.200
11	Bao bì cứng bằng nhựa	18 01 06	1.105
12	Bao bì cứng bằng kim loại thải	18 01 02	587
Tổng			52.112

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 20 tấn/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Tổng khối lượng chất thải công nghiệp thông thường phát sinh khoảng 43,2 tấn/năm

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải nguy hại được lưu chứa trong các thùng có nắp đậy, không rò rỉ, được dán mã chất thải nguy hại và biển cảnh báo theo quy định. Riêng đối với bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải lưu chứa trong bể chứa bùn. Chủ cơ sở đầu tư sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển, lưu trữ và xử lý chất thải nguy hại với tần suất thu gom: 03 tháng/lần hoặc theo tần suất phát sinh.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Bố trí 02 kho chứa chất thải nguy hại và 01 kho chứa dầu thải tại khuôn viên Cơ sở.

+ Kho chất thải nguy hại số 01 có diện tích $6,2 \text{ m}^2$

+ Kho chất thải nguy hại số 02 có diện tích 6 m^2

+ Kho chứa dầu thải có diện tích 8 m^2

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà: Có mái che, nền bê tông, cửa bằng tôn có khoá, gắn biển tên tại kho, có biển chỉ dẫn, cảnh báo theo quy định, có trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố.

2.1.3. Biện pháp quản lý:

- Lưu giữ, chuyển giao cho đơn vị có chức năng về xử lý chất thải nguy hại để thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng rác có nắp đậy và bao bì.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- 01 khu tập kết chất thải đặt tại vị trí phía Đông tầng 2 nhà xưởng có diện tích 8 m^2 .

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa

- Thùng chứa rác dung tích 240 lít có nắp đậy và 01 xe đẩy tay cỡ nhỏ.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- 01 khu tập kết chất thải ở khu vực phía Đông của Cơ sở có diện tích 5 m^2 , cạnh khu xử lý nước thải tập trung.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, 124, 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Khu lưu giữ chất thải nguy hại đáp ứng các quy định tại Điều 36 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố do cháy nổ, chập điện, ngập úng, dịch bệnh, rủi ro do thiên tai theo quy định của pháp luật hiện hành.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 48 /GPMT-STNMT-KSONMT ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện nghiêm túc các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường trong suốt quá trình hoạt động của Cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp phân loại rác thải tại nguồn và thực hiện việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Chịu trách nhiệm đền bù và khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại giấy phép môi trường được cấp có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

